Chi tiết mã HS 8418.61.00

Mã HS	8418.61.00
Mô tả hàng hóa	Tủ lạnh, tủ kết đông (1) và thiết bị làm lạnh hoặc kết đông khác, loại dùng điện hoặc loại khác; bơm nhiệt trừ máy điều hòa không khí thuộc nhóm 84.15 / - Thiết bị làm lạnh hoặc kết đông khác; bơm nhiệt: / - - Bơm nhiệt trừ loại máy điều hòa không khí của nhóm 84.15
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 09:55:10
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84186100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13360
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13360
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13360
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH, LA, MM)	0% (trừ KH, LA, MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.7	5,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12650
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12591
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12591
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12591
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12591
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12591
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12591
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12645
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12645
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12645

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12645
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12645
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12645
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12646
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12646
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12646
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12646
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12646
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12646
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12649
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12597
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12605
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12605
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12605
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12605
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12605
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12605
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12636
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12636
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12636
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12636
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12636
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12636
VCFTA	2022	2022	2	VC!D12685
VCFTA	2023	2023	1	VC!E12685
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12685

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12685
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12685
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12685
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12668
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12668
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12668
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12668
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12668
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12668
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12668
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12668
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12668
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12668
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12668
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12668
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D12683
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E12683
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F12683
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12683
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12683
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12683
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D12682
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E12682
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F12682
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12682
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12682

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12682
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12662
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12662
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12662
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12662
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12662
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12662
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12662
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12670
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12670
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12670
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12670
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12670
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12670
RCEP B	2022	2022	0	B!D12670
RCEP B	2023	2023	0	B!E12670
RCEP B	2024	2024	0	B!F12670
RCEP B	2025	2025	0	B!G12670
RCEP B	2026	2026	0	B!H12670
RCEP B	2027	2027	0	B!I12670
RCEP C	2022	2022	0	C!D12670
RCEP C	2023	2023	0	C!E12670
RCEP C	2024	2024	0	C!F12670
RCEP C	2025	2025	0	C!G12670
RCEP C	2026	2026	0	C!H12670
RCEP C	2027	2027	0	C!I12670

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D12669
RCEP D	2023	2023	0	D!E12669
RCEP D	2024	2024	0	D!F12669
RCEP D	2025	2025	0	D!G12669
RCEP D	2026	2026	0	D!H12669
RCEP D	2027	2027	0	D!I12669
RCEP E	2022	2022	0	E!D12673
RCEP E	2023	2023	0	E!E12673
RCEP E	2024	2024	0	E!F12673
RCEP E	2025	2025	0	E!G12673
RCEP E	2026	2026	0	E!H12673
RCEP E	2027	2027	0	E!I12673
RCEP F	2022	2022	0	F!D12670
RCEP F	2023	2023	0	F!E12670
RCEP F	2024	2024	0	F!F12670
RCEP F	2025	2025	0	F!G12670
RCEP F	2026	2026	0	F!H12670
RCEP F	2027	2027	0	F!I12670
VIFTA	2024	2024	8,6	VI!F11738
VIFTA	2025	2025	7.1	VI!G11738
VIFTA	2026	2026	5.7	VI!H11738
VIFTA	2027	2027	4.3	VI!I11738

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8418.61.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 8418.61.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13360), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.